

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày 15 – 03 – 2024

V/v tranh chấp vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Khưu Liên Dung**

2. Bà **Dư Thị Út**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đặng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 01, N, Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Phan Thành C (Phan Thanh C)**, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất nước khoáng có ga và nước đá D**, địa chỉ trụ sở: Số 2/234, Tỉnh lộ 38, Khóm 6, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Phan Thành Ch**, chức vụ: Giám đốc của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất nước khoáng có ga và nước đá D (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện ngày 28/6/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trịnh Hoàng Kiếm trình bày:* Giữa ông và ông C giao dịch vay tiền cụ thể: Vào ngày 02/7/2022 ông cho ông C vay 50.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền lập ngày 02/7/2022, thoả thuận lãi suất ông C muốn trả bao nhiêu thì trả do ông C có quan hệ bà con cô cậu ruột với thông gia của ông (thoả thuận lãi suất miệng không

có ghi trong biên nhận mượn tiền), ông cho cá nhân ông C vay tiền không phải cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất nước khoáng có ga và nước đá Dương Thành Phát do ông Phan Thành C làm Giám đốc, trong biên nhận mượn tiền ông C ký nhận với tư cách là Giám đốc của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất nước khoáng có ga và nước đá D là do ông C tự lấy dấu và mộc đỏ của Công ty ông C đóng lên biên nhận mượn tiền, ông C vay tiền để sửa chữa nhà máy nước đá, thời hạn 02 tháng = 60 ngày, còn lãi thì trả vào ngày 02 hàng tháng. Vào ngày 14/07/2022 ông cho ông C vay 5.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền lập ngày 14/7/2022, thỏa thuận lãi suất ông C muốn trả bao nhiêu thì trả do ông C có quan hệ bà con cô cậu ruột với thông gia của ông (thỏa thuận lãi suất miệng không có ghi trong biên nhận mượn tiền), ông cho cá nhân ông C vay tiền không phải cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất nước khoáng có ga và nước đá D do ông Phan Thành C làm Giám đốc, trong biên nhận mượn tiền ông Phan Thành C ký nhận với tư cách là Giám đốc của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất nước khoáng có ga và nước đá D là do ông C tự lấy dấu và mộc đỏ của Công ty ông C đóng lên biên nhận mượn tiền, ông C vay tiền để sửa chữa nhà máy nước đá; thời hạn 15 ngày kể từ ngày 14/7/2022. Vào ngày 01/8/2022 ông cho bà Dương Thị D (là mẹ ruột của ông C) vay 10.000.000 đồng, có làm giấy vay mượn tiền lập ngày 01/8/2022, thỏa thuận lãi suất bà D muốn trả bao nhiêu thì trả (thỏa thuận lãi suất miệng không có ghi trong biên nhận mượn tiền), bà D vay tiền để cho ông C sửa chữa nhà máy nước đá; thời hạn 02 tháng = 60 ngày kể từ ngày 01/8/2022, trong giấy vay mượn tiền ông C có cam kết nếu bà Danh không trả thì ông C sẽ trả thay cho ông số tiền 10.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay ông C và bà Danh không trả cho ông khoản nợ gốc và khoản tiền lãi nào. Do đó ông khởi kiện yêu cầu ông C trả lại cho ông số tiền gốc 55.000.000 đồng. Ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông C trả số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và trả lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 01/08/2022 đến ngày đưa vụ án ra xét xử trên số nợ gốc 65.000.000 đồng, tạm tính là 7.000.000 đồng.

* *Bị đơn ông Phan Thành C (Phan Thanh C) trình bày:* Ông thừa nhận cá nhân ông có vay tiền của ông B như ông B trình bày, với tổng số tiền vay là 55.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay ông chưa trả cho ông B khoản nợ gốc nào, đã trả lãi cho ông B tổng số tiền 25.000.000 đồng. Cá nhân ông đồng ý trả nợ gốc cho ông B là 55.000.000 đồng, đối với số tiền lãi ông đã trả cho ông B thì ông không yêu cầu giải quyết do ông không có chứng cứ chứng minh.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:* Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B yêu cầu ông C trả nợ gốc 55.000.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B

yêu cầu ông C trả số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và trả lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 01/08/2022 đến ngày đưa vụ án ra xét xử trên số nợ gốc 65.000.000 đồng, tạm tính là 7.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông C phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và sự vắng mặt của đương sự:* Ông B khởi kiện yêu cầu ông C, cư trú tại ấp Kim Cầu, xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu trả tiền vay, đây là tranh chấp vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Ông B và ông C vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B và ông C.

[2] *Xét yêu cầu của ông B yêu cầu ông C trả nợ gốc 55.000.000 đồng, thấy rằng:* Ông B và ông C thống nhất xác định ông B cho ông C vay tiền theo biên nhận ngày 02/7/2022 và ngày 14/7/2022 với tổng số tiền 55.000.000 đồng, từ khi vay tiền đến nay ông C chưa trả cho ông B khoản tiền gốc nào, nay ông B yêu cầu ông C trả nợ gốc 55.000.000 đồng thì ông C đồng ý, xét đây là ý chí tự nguyện của ông C, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B yêu cầu ông C trả nợ gốc 55.000.000 đồng. Ông B cho rằng từ khi vay tiền đến nay ông C không có trả cho ông B khoản tiền lãi nào. Ông C cho rằng ông vay tiền của ông B với lãi suất là 10%/tháng và đã đóng lãi cho ông B với tổng số tiền 25.000.000 đồng, ông B không thừa nhận, ông C không có chứng cứ chứng minh và không có yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi đã đóng cho ông B, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Ông B xác định khoản vay 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/8/2022 ông cho bà D là mẹ ruột của ông C vay, ông C chỉ là người bảo lãnh, ông không yêu cầu giải quyết khoản vay này, nếu có yêu cầu ông sẽ yêu cầu bà Danh bằng một vụ án khác. Do đó, ông rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông C trả số tiền vay 10.000.000 đồng và trả lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 01/08/2022 đến ngày đưa vụ án ra xét xử trên số nợ gốc 65.000.000 đồng, tạm tính là 7.000.000 đồng; thấy rằng việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông B là tự nguyện, không ai ép buộc, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của ông B.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B đối với ông Phan Thành C (Phan Thanh C).

Buộc ông Phan Thành C (Phan Thanh C) có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền nợ gốc 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B yêu cầu ông Phan Thành C (Phan Thanh C) trả số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và trả lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 01/08/2022 đến ngày đưa vụ án ra xét xử trên số nợ gốc 65.000.000 đồng, tạm tính là 7.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Phan Thành C (Phan Thanh C) phải chịu 2.750.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Nguyễn Thanh B không phải chịu. Ông B là người cao tuổi, nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Quốc Trung